TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày 30-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cường.
2. Ông Trần Tấn Quốc.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Đình Tứ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thuỷ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại hội trường Toà án nhân dân thị xã Hương Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2018/TLST-DS ngày 20/4/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXXST-DS ngày 22/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (Ngân hàng V); địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà C, số 16 đường P, phường P, quận H, thành phố H.

Trụ sở chi nhánh tại Đà Nẵng: Số 211, đường H, quận H, thành phố Đ.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Hàn Ngọc V, chức danh: Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng V;

+ Bà Trần Thị Thu Hà, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ khách hàng cá nhân, khối quản trị rủi ro V là người đại diện theo ủy của của Ngân hàng V(Văn bản ủy quyền ngày 16/01/2014).

+ Ông Đào Ngọc T, chức vụ: Chuyên viên chính – Trung tâm quản lý nợ KHCN- Ngân hàng V) là người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng V (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2017). Ông T vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Tiến L, chức vụ: Chuyên viên – Trung tâm quản lý nợ KHCN- Ngân hàng V) là người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng V (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2017). Ông L có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1966 và ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1966 cùng có địa chỉ: Thôn A, xã T, thị xã H, tỉnh T. Bà T có mặt, ông L vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2017, lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại Ngân hàng thương cổ phần A (Ngân hàng V) trình bày: Giữa Ngân hàng V với bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đức L có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 19/HĐTD1-VIB408/14 ngày 14/01/2014, theo đó Ngân hàng V cho bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L vay số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn 60 tháng, lãi suất vay bằng 11,49%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau 12 tháng lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cho vay của sản phẩm tiêu dùng khác do V công bố tại thời điểm điều chỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật, Ngân hàng nhà nước Việt Nam và chính sách của V tại từng thời kỳ. Mục đích vay là tiêu dùng và mua sắm vật dụng gia đình, lãi và gốc trả hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng V đã giải ngân số tiền vay này cho bà T và ông L, các bên đã ký khế ước nhận nợ số 19/KUNN1-VIB408/14 ngày 15/01/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T và ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh. Ngân hàng V đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà T và ông L không thực hiện. Tính đến tháng 2 năm 2017 bà T và ông L chỉ mới trả được 15.000.000đ nợ gốc. Sau khi Ngân hàng khởi kiện bà T và ông L có trả số tiền gốc là 65.000.013đ. Tính đến ngày 30/11/2018, bà T và ông L còn nợ số tiền gốc là 19.429.927đ, tiền lãi trong hạn là 24.585.274đ, lãi quá hạn là 12.292.636đ. Tổng cộng bà T và ông L còn nợ số tiền 56.307.837đ.

Tài sản đảm bảo khoản vay trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 437, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại Thôn A, xã T, thị xã H, tỉnh T được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (nay là thị xã Hương Thủy), tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/11/2013 đứng tên bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 046/HĐTC-VIB408/13 ngày 07/02/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 07/02/2013 và đã đăng ký thế chấp.

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị T phải trả số tiền nợ gốc và lãi là 107.091.994đ. Do sau khi khởi kiện bị đơn có trả nợ nên tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 65.000.013đ, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L thanh toán số tiền còn nợ hợp đồng tín dụng nói trên, tính đến ngày 30/11/2018 là 56.307.837 đồng, trong đó: nợ gốc 19.429.927đ, tiền lãi trong hạn là 24.585.274đ, lãi quá hạn là 12.292.636đ.

Trường hợp bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 437, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại phường Thôn A, xã T, thị xã H, tỉnh T được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (nay là thị xã Hương Thủy), tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/11/2013 đứng tên bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L.

- Ý kiến trình bày của bà Trần Thị T: Bà T thừa nhận vợ chồng bà T và ông L có ký kết hợp đồng tín dụng đúng như Ngân hàng V trình bày. Vợ chồng bà đã nhận đủ số tiền vay do Ngân hàng giải ngân. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, do có khó khăn về kinh tế nên không trả đúng kỳ hạn, đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng 19/HĐTD1-VIB408/14 ngày 14/01/2014. Tại phiên tòa hôm nay, bà T đồng ý trả nợ cho Ngân hàng V số tiền 56.307.837 đồng như Ngân hàng V yêu cầu.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ cho ông Nguyễn Đức L, nhưng trong thời hạn theo luật định ông Nguyễn Đức L không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L đến làm việc nhưng ông Nguyễn Đức L không đến Tòa án làm việc. Theo thông tin bà T cung cấp thì hiện nay ông L đi làm ăn xa nên không thể có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Thời gian qua, ông L có gởi tiền về để bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Ngân hàng V đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Nguyễn Đức L vắng mặt trong tất cả các phiên họp, công khai chứng cứ, hòa giải và tại các phiên tòa là vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 302, 305, 323, 336, 342, 344, 351, 355, 388, 401, 402, 471, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng Điều 90, 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Đức L tiếp tục vắng mặt không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đức L.

- Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V tại phiên tòa hôm nay về việc không yêu cầu ông L, bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc 65.000.013đ là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của Ngân hàng V.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng tín dụng số 19/HĐTD1-VIB408/14 ngày 14/01/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng V và bên vay là bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L được ký kết có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 388, 401, 402 và 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2005, các Điều 90, 91 và Điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng V đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã tiến hành giải ngân khoản vay cho bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, bà T và ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm Hợp đồng số 19/HĐTD1-VIB408/14 ngày 14/01/2014 đã ký kết giữa các bên. Nên Ngân hàng V có quyền khởi kiện để thu hồi toàn bộ số nợ trước hạn là đúng với sự thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 5 Hợp đồng số 19/HĐTD1-VIB408/14 ngày 14/01/2014.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm gồm tiền gốc nợ gốc 19.429.927đ, tiền lãi trong hạn là 24.585.274đ, lãi quá hạn là 12.292.636đ. Tổng cộng là 56.307.837 đồng.

Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà bà T và ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế để thu hồi nợ của Ngân hàng V, Hội đồng xét xử thấy:Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 046/HĐTC-VIB408/13 ngày 07/02/2013 được công chứng ngày 07/02/2013 giữa Ngân hàng V (Bên nhận thế chấp) với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L (Bên thế chấp) đã bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo quy định tại Điều 323 Bộ Luật dân sự năm 2005 và được công chứng theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/8/2018 thì trên tại thửa đất số 437, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại phường Thôn A, xã T, thị xã H, tỉnh T được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (nay là thị xã Hương Thủy), tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/11/2013 đứng tên bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L có 01 ngôi nhà xây cấp 4. Qua kết quả xác minh thì tài sản thế chấp là

quyền sử dụng đất và nhà ở là tài sản của bà T và ông L, hiện nay bà T đang sinh sống trong ngôi nhà trên.

Do vậy, trường hợp bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu càu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 8 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 046/HĐTC-VIB408/13 ngày 07/02/2013 và Điều 336,355 Bộ luật dân sự 2005.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.894.000đ (57.889.022đ x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 302, 305, 323, 336, 342, 344, 351, 355, 388, 401, 402, 471, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng Điều 90, 91 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí. Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A (Ngân hàng V). Buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ tính đến ngày 30/11/2018 là: 56.307.837 đồng, trong đó: Số tiền gốc 19.429.927 đồng, tiền lãi trong hạn 24.585.274 đồng, tiền lãi quá hạn 12.292.636 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 01/12/2018), bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà bà T, ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V.

Trường hợp bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 046/HĐTC-VIB408/13 ngày 07/02/2013 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 437, tờ bản đồ số 01

tọa lạc tại phường Thôn A, xã T, thị xã H, tỉnh T được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (nay là thị xã Hương Thủy), tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/11/2013 đứng tên bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L và tài sản gắn liền với đất.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L phải thanh toán khoản tiền nợ gốc 65.000.013đ.

3. Về án phí: Buộc ông bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức L phải chịu 2.894.000đ đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.677.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/000459 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- THADS TX. Hương Thủy;
- Các đương sự.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Phan Thị Xuân Huế